

Bản án số: **04/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 26-02-2020

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Phước Công.

2. Ông Huỳnh Tấn Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: **Ông Nguyễn Văn Lộc** – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công Ki vụ án thụ lý số: **846/2019/TLST-HNGĐ** ngày **06 tháng 12 năm 2019** về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **14/2020/QĐXXST-HNGĐ** ngày **07 tháng 02 năm 2020** giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị C, sinh năm 1979; địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện P, tỉnh An Giang (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1970; địa chỉ: ấp L, xã K, huyện M, tỉnh An Giang (Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự Ki và các biên bản hòa giải nguyên đơn chị Phạm Thị C trình bày: Chị và anh Nguyễn Thanh T tự tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1996, không có tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2003 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường cãi nhau, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nhiều và không còn chung sống đến nay. Từ khi không còn chung sống, hai bên không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay, nhận thấy tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh T. Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống chị và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Trúc P, sinh năm 1997 và Nguyễn Thị Trúc K,

sinh năm 1998 (hiện nay 02 con đã thành niên, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết). Về quan hệ tài sản chung: Không có. Về quan hệ nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của vợ (C) về thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn gia đình và thời gian không còn sống chung. Nay, chị C yêu cầu ly hôn, anh đồng ý. Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống chị và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Trúc P, sinh năm 1997 và Nguyễn Thị Trúc K, sinh năm 1998 (hiện nay 02 con đã thành niên, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết). Về quan hệ tài sản chung: Không có. Về quan hệ nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, chị C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến trình bày.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: Bà Phạm Thị C và ông Nguyễn Thanh T kết hôn năm 1996, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, lối sống và tính tình không hợp nhau và ly thân gần 16 năm nay. Nay, nhận thấy tình cảm không còn, bà C yêu cầu ly hôn với ông T. Ông T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà C. Do ông T và bà C không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận bà C và ông T là vợ chồng. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Trúc P và Nguyễn Thị Trúc K đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập đến. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không đề cập đến.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị:

Không công nhận bà Phạm Thị C và ông Nguyễn Thanh T là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Phạm Thị C yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh T, anh T có nơi cư trú ấp L, xã K, huyện M, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Anh Nguyễn Thanh T có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T là có căn cứ.

[3] Chị Phạm Thị C và anh Nguyễn Thanh T trình bày: Anh, chị chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1996, nhưng không tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nơi anh T cư trú, theo đó Ủy ban nhân dân xã K, huyện Chợ Mới xác định anh T và chị C không có đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân xã K, huyện Chợ Mới. Do đó, có cơ sở xác định chị C và anh T hai người sống chung như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật cho nên quan hệ hôn nhân giữa hai người không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, khi có yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn thì Tòa án không công nhận anh, chị là vợ chồng là phù hợp với Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống, chị C và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Trúc P, sinh năm 1997 và Nguyễn Thị Trúc K, sinh năm 1998. Các con nay đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Chị C và anh T xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về quan hệ nợ chung: Chị C và anh T xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Các Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị C đối với anh Nguyễn Thanh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Phạm Thị C và anh Nguyễn Thanh T là vợ chồng.

- Về quan hệ con chung: Chị Phạm Thị C và anh Nguyễn Thanh T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Trúc P, sinh năm 1997 và Nguyễn Thị Trúc K, sinh năm 1998. Các con đã thành niên.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận chị Phạm Thị C và anh Nguyễn Thanh T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh chị trong thời kỳ sống chung thì chị C và anh T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Phạm Thị C phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0007609 do Cục Thi hành

án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 06 tháng 12 năm 2019. Chi C đã nộp đủ.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- C cục THADS H. Chợ Mới;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thư

